

Bản án số: 01 /2018/KDTM-ST

Ngày 23 tháng 5 năm 2018

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn-Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Ban và ông Nguyễn Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLST-KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01 /2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-DS ngày 13/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-DS ngày 04/5/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số 35 HV, quận HK, thành phố Hà Nội.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ-Chi nhánh H.

Địa chỉ: Số 240 N, phường H, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Đại T - Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H (Văn bản ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016).

Người được ủy quyền lại: Ông Đoàn Đình T - Trưởng phòng quản lý rủi ro- Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H. (Văn bản ủy quyền số 742/WQTT-BIDV.HY ngày 14/11/2017). Có mặt.

Địa chỉ: Số 240 N, phường H, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên.

2. *Bị đơn*: Anh Tạ Hữu S, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965 (Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2018).

Địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty trách nhiệm hữu hạn L.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Khắc A, sinh năm 1977 (Văn bản ủy quyền ngày 02/5/2018) - Có mặt.

Địa chỉ: thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/6/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh H (sau đây gọi tắt là ngân hàng) cho anh Tạ Hữu S, sinh năm 1989, địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên vay số tiền là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ngày 18/6/2013. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng này thì thời hạn vay là 09 tháng. Lãi suất trong hạn: áp dụng lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 03 tháng /lần do ngân hàng ấn định theo nguyên tắc bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn tương ứng trả sau của ngân hàng cộng tối thiểu 3% năm thông báo lãi suất của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Kỳ đầu tiên là 12%/năm. Các kỳ tiếp theo do ngân hàng ấn định. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh.

Ngày 21/12/2013, Ngân hàng điều chỉnh lãi suất xuống 11,5%/năm tính từ ngày 18/12/2013.

Hợp đồng được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba thể hiện tại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ngày 18/6/2013, bên thế chấp và bảo lãnh là Công ty trách nhiệm hữu hạn L (sau đây gọi tắt là bên bảo đảm) do bà Nguyễn Thị L là giám đốc. Theo hợp đồng thế chấp thì bên thế chấp cam kết dùng tài sản là chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Toyota biển kiểm soát 89L-1459 là tài sản của bên thế chấp để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đã, đang và sẽ phát sinh trong tương lai theo toàn bộ Hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bên vay, gồm: Nợ gốc tối đa 450.000.000 đồng, nợ lãi, lãi phạt quá hạn, phí, khoản phạt, khoản bồi thường. Hợp đồng thế chấp được Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/6/2013.

Sau khi hợp đồng được ký kết, anh S đã nhận đủ số tiền vay là 450.000.000 đồng.

Đến ngày 13/7/2014, anh S đề nghị và được ngân hàng chấp nhận cơ cấu lại thời gian trả nợ là vào ngày 18/9/2014.

Anh S đã trả lãi ngân hàng như sau: Ngày 18/7/2013, trả 4.500.000 đồng. Ngày 21/8/2013, trả 4.570.000 đồng. Ngày 22/8/2013, trả 230.000 đồng. Ngày 23/9/2013, trả 4.500.000 đồng. Ngày 21/10/2013, trả 4.500.000 đồng. Ngày 18/11/2013, trả 4.650.000 đồng. Ngày 18/12/2013, trả 4.500.000 đồng. Ngày 21/01/2014, trả 4.750.000 đồng. Ngày 26/02/2014, trả 4.200.000 đồng. Ngày 18/3/2014, trả 4.000.000 đồng.

Anh S đã trả gốc như sau: Ngày 29/11/2017 trả 5.000.000 đồng.

Đến thời hạn trả nợ, anh S không trả được nợ, ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh S thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh S không thực hiện. Do vậy ngân hàng khởi kiện, yêu cầu buộc anh S phải trả nợ cho ngân hàng, gồm:

Tiền nợ gốc là 445.000.000 đồng. Tổng số nợ lãi trong hạn anh S chưa trả tính đến ngày 18/9/2014 là 26.437.500 đồng. Tổng số lãi quá hạn tạm tính từ ngày 18/9/2014 đến ngày 12/3/2018 là 273.812.604 đồng.

Tổng số nợ gốc và lãi ngân hàng yêu cầu anh S phải trả (tạm tính đến ngày 12/3/2018) là: 745.250.104 đồng và yêu cầu anh S phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng tính từ ngày 13/3/2018 cho đến khi anh S trả hết nợ cho ngân hàng.

Nếu anh S không trả được nợ cho ngân hàng thì đề nghị xử lý, phát mại tài sản thế chấp của bên thế chấp là chiếc xe Toyota biển kiểm soát 89L-1459 để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh S phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng. Ngân hàng trình bày hiện tại chiếc xe Toyota biển kiểm soát 89L-1459 vẫn do bên thế chấp quản lý, sử dụng và không yêu cầu phải thẩm định chiếc xe này.

Ngoài ra ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Anh Tạ Hữu S có bản tự khai gửi cho Tòa án trình bày: anh có đứng tên vay vốn cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L sử dụng, tài sản thế chấp là tài sản của công ty nên anh S đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L là giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn L là người đại diện cho anh S.

Bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo pháp luật của bên thế chấp trình bày:

Ngày 18/6/2013, anh S là con trai bà vay của ngân hàng số tiền là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) để bổ sung vốn kinh doanh. Các điều khoản trong hợp đồng vay bà nhất trí không thắc mắc gì. Cho đến nay anh S mới trả được 5.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay của anh S, Công ty trách nhiệm hữu hạn L do bà là người đại diện theo pháp luật đã ký với ngân hàng hợp đồng thế chấp tài sản ngày 18/6/2013, theo hợp đồng thì Công ty trách nhiệm hữu hạn L dùng chiếc xe ô tô bán tải biển kiểm soát 89L-1459 là tài sản của công ty để đảm bảo cho khoản vay của anh S. Hiện công ty vẫn đang quản lý, sử dụng chiếc xe này.

Quan điểm của bà L về việc ngân hàng khởi kiện: Bà L khẳng định anh S còn nợ số tiền 450.000.000 đồng và mới trả được 5.000.000 đồng. Vì vậy về việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc, lãi bà nhất trí không có yêu cầu gì. Trường hợp anh S không trả được nợ thì công ty nhất trí phát mại tài sản là chiếc xe Toyota biển kiểm soát 89L-1459 của công ty để bảo đảm khoản vay cho anh S. Bà L đề nghị ngân hàng để bà được trả nợ toàn bộ thay cho anh S trong thời hạn 03 năm tính từ tháng 3/2018.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khẳng định bị đơn còn nợ gốc là 445.000.000 đồng và chấp nhận trả toàn bộ số nợ gốc trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 23/5/2018.

Về số lãi trong hạn, quá hạn ngân hàng yêu cầu đề nghị ngân hàng miễn giảm cho bị đơn vì bị đơn đang khó khăn nếu không thì đề nghị phải tính ở mức lãi suất dưới 10%/năm chứ không chấp nhận mức lãi suất là 11,5%/năm.

Về xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng phải yêu cầu anh S trả nợ trước nếu anh S không trả được nợ thì mới được phát mại tài sản thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 281; Điều 290; Điều 298; Điều 471; Điều 474; Điều 476; 342; 355; 336; 338; 361; 363; 369 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ-Chi nhánh H.

Buộc anh Tạ Hữu S phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ-Chi nhánh H toàn bộ số tiền nợ gốc là 445.000.000 đồng và các khoản lãi gồm: tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn nhu ngân hàng yêu cầu.

Phát mại tài sản thế chấp của bên thế chấp là chiếc xe Toyota biển kiểm soát 89L-1459 để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh S phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 18/6/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ-Chi nhánh H (sau đây gọi tắt là ngân hàng) cho anh Tạ Hữu S, sinh năm 1989, địa chỉ: thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh Hưng Yên vay số tiền là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ngày 18/6/2013. Thời hạn vay là 09 tháng. Lãi suất trong hạn: Kỳ đầu tiên là 12%/năm. Các kỳ tiếp theo do ngân hàng ấn định.

Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh.

Ngày 21/12/2013, ngân hàng điều chỉnh lãi suất xuống 11,5%/năm tính từ ngày 18/12/2013.

Khoản vay của anh S được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba thể hiện tại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ngày 18/6/2013, bên thế chấp và bảo lãnh là Công ty trách nhiệm hữu hạn L (sau đây gọi tắt là bên bảo đảm) do bà Nguyễn Thị L là giám đốc. Theo hợp đồng thế chấp thì bên thế chấp cam kết dùng tài sản là chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Toyota biển kiểm soát 89L-1459 là tài sản của bên thế chấp để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đã, đang và sẽ phát sinh trong tương lai theo toàn bộ Hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bên vay, gồm: Nợ gốc tối đa 450.000.000 đồng, nợ lãi, lãi phạt quá hạn, phí, khoản phạt, khoản bồi thường. Hợp đồng thế chấp được Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/6/2013.

Sau khi hợp đồng được ký kết, anh S đã nhận đủ số tiền vay là 450.000.000 đồng.

Đến ngày 13/7/2014, anh S đề nghị và được ngân hàng chấp nhận cơ cấu lại thời gian trả nợ là vào ngày 18/9/2014.

Về việc thanh toán nợ: Ngày 29/11/2017 anh S đã trả nợ gốc là 5.000.000 đồng. Đến ngày 18/3/2014, anh S đã trả được các khoản lãi như sau:

Ngày 18/7/2013, trả 4.500.000 đồng. Ngày 21/8/2013, trả 4.570.000 đồng. Ngày 22/8/2013, trả 230.000 đồng. Ngày 23/9/2013, trả 4.500.000 đồng. Ngày 21/10/2013, trả 4.500.000 đồng. Ngày 18/11/2013, trả 4.650.000 đồng. Ngày 18/12/2013, trả 4.500.000 đồng. Ngày 21/01/2014, trả 4.750.000 đồng. Ngày 26/02/2014, trả 4.200.000 đồng. Ngày 18/3/2014, trả 4.000.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu anh S phải trả tiền nợ gốc là 445.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn tính đến ngày 18/9/2014 là 26.437.500 đồng.

Tổng số tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 18/9/2014 đến ngày 23/5/2018 là 289.165.104 đồng.

Tổng số nợ gốc và lãi ngân hàng yêu cầu anh S phải trả (tạm tính đến ngày 23/5/2018) là: 760.602.604 đồng và yêu cầu anh S phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng tính từ ngày 23/5/2018 cho đến khi anh S trả hết nợ cho ngân hàng.

Nếu anh S không trả được nợ cho ngân hàng thì đề nghị xử lý, phát mại tài sản thế chấp của bên thế chấp là chiếc xe Toyota biển kiểm soát 89L-1459 để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh S phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Trong giai đoạn điều tra, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng thừa nhận còn nợ gốc là 450.000.000 đồng, mới trả được 5.000.000 đồng và các khoản lãi như nguyên đơn tính toán nhưng do khó khăn nên đề nghị ngân hàng cho trả trong thời hạn 03 năm kể từ tháng 3/2018 nhưng ngân hàng không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm nhất trí phát mại tài sản là chiếc xe Toyota biển kiểm soát 89L-1459 của công ty để bảo đảm khoản vay cho bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khẳng định bị đơn còn nợ gốc là 445.000.000 đồng và chấp nhận trả toàn bộ số nợ gốc trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 23/5/2018.

Về số lãi trong hạn, quá hạn ngân hàng yêu cầu đề nghị ngân hàng miễn giảm cho bị đơn vì bị đơn đang khó khăn nếu không thì đề nghị phải tính ở mức lãi suất dưới 10%/năm chứ không chấp nhận mức lãi suất là 11,5%/năm.

Về xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng phải yêu cầu anh S trả nợ trước nếu anh S không trả được nợ thì mới được phát mại tài sản thế chấp.

Ngoài ra nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nào khác.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với anh S, Hội đồng xét xử nhận định: Hai bên đều thừa nhận các nội dung của hợp đồng nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay sử dụng vào mục đích nhằm thu lợi nhuận. Do vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng các bên đã ký là phù hợp các quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng thế chấp của bên thứ ba để bảo đảm cho khoản vay của bên vay với ngân hàng: Chiếc xe thuộc sở hữu của bên thế chấp, các bên giao kết hợp đồng phù hợp với các quy định tại các Điều 342; 343; 350; 361; 362 của Bộ luật dân sự năm 2005, sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm và hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do vậy hợp đồng thế chấp là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định:

Từ các chứng cứ đã thu thập được có đủ căn cứ xác định: Ngày 18/6/2013, anh Tạ Hữu S đã vay của ngân hàng 450.000.000 đồng, đến ngày 29/11/2017 anh S đã trả nợ gốc là 5.000.000 đồng và còn nợ gốc chưa trả là 445.000.000 đồng.

Ngoài các số lãi đã trả thì anh S còn nợ tiền lãi trong hạn tính đến ngày 18/9/2014 là 26.437.500 đồng và lãi quá hạn tạm tính từ ngày 18/9/2014 đến ngày 23/5/2018 là 289.165.104 đồng.

Tổng số nợ gốc và lãi anh S còn nợ ngân hàng phải trả (tạm tính đến ngày 23/5/2018) là: 760.602.604 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bị đơn không trả được. Đại diện bị đơn cũng thừa nhận số tiền nợ gốc như yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị miễn, giảm lãi nếu không thì phải tính lại lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý và đây cũng là mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng nên cần chấp nhận mức lãi theo thỏa thuận của các bên. Vì vậy xác định nghĩa vụ trả nợ ngân hàng là của anh S.

Hợp đồng thế chấp của bên thứ ba để bảo đảm khoản vay cho anh S được bên giao kết phù hợp với các quy định pháp luật, sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm và hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do vậy hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nếu anh S không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại chiếc xe ô tô Toyota biển kiểm soát 89L-1459 của bên thế chấp để thu hồi nợ. Hiện bên thế chấp đang quản lý, sử dụng chiếc xe này. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh S phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 281; Điều 290; Điều 298; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 342; 343; 350; 361; 362 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 445.000.000 đồng và các khoản lãi gồm: tiền lãi trong hạn tính đến ngày 18/9/2014 là 26.437.500 đồng; tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 18/9/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (23/5/2018) theo mức 150% của lãi trong hạn là 11,5%/năm = 445.000.000 đồng x 11,5%/năm x 150% = 289.165.104 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm anh S phải trả cho nguyên đơn là: 445.000.000 đồng + 26.437.500 đồng + 289.165.104 đồng = 760.602.604 đồng.

Do mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng nên kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu anh S không trả được số nợ gốc thì anh S phải chịu lãi suất theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Trường hợp anh S không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của bên thế chấp là chiếc xe Toyota biển kiểm soát 89L-1459 để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh S phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 281; Điều 290; Điều 298; Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 342; Điều 343; Điều 350; Điều 361; Điều 362 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ-Chi nhánh H.

Buộc anh Tạ Hữu S phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ-Chi nhánh H toàn bộ số tiền gồm: toàn bộ số tiền nợ gốc là 445.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Tiền lãi trong hạn tính đến ngày 18/9/2014 là 26.437.500 đồng (Hai mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 18/9/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23 tháng 5 năm 2018) là 289.165.104 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm linh bốn đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23 tháng 5 năm 2018) anh Tạ Hữu S phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ-Chi nhánh H là: 760.602.604 đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu sáu trăm linh hai nghìn sáu trăm linh bốn đồng).

Anh Tạ Hữu S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp anh Tạ Hữu S không trả được nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ-Chi nhánh H thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ-Chi nhánh H có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của bên thế chấp là chiếc xe Toyota biển kiểm soát 89L-1459 của Công ty trách nhiệm hữu hạn L để ngân hàng thu hồi nợ. Công ty trách nhiệm hữu hạn L đang quản lý, sử dụng chiếc xe này.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Tạ Hữu S phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Anh Tạ Hữu S phải chịu 34.424.104 đồng (Ba mươi tư triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn một trăm linh bốn đồng) tiền án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại.

Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 16.496.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005561 ngày 29/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tuấn